TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2024/DS-ST
Ngày: 30-7-2024
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Văn;

2. Bà Trần Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Hải – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Quốc Bảo – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 255/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Bà Huỳnh Ngọc R, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh T;

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc R trình bày*:

Bà R và chị M là người cùng xóm, đồng thời Bà là chủ hụi, chị M là hụi viên có tham gia chơi của bà tất cả các dây hụi như sau:

Hụi 3.000.0000 đồng/tháng khởi sự khui ngày 30-10-2020, có 25 phần, mãn 30-12-2022 (trừ 02 tháng dịch covid) chị M tham gia 01 phần và đã hốt hụi tại kỳ thứ 1, trừ cò 1.500.000 đồng, khui 1.360.000 đồng và đã mãn. Trong dây hụi này M còn nợ hụi chết 11 kỳ hụi tương ứng số tiền 33.000.000 đồng, lý do chị M đi chấp

hành án bà R đã choàng thay.

Hụi 2.000.000 đồng/tháng khởi sự khui ngày 10-4-2021, mãn 10-6-2023, (trừ 02 tháng dịch covid) có 25 phần, chị M tham gia 01 phần và đã hốt hụi tại kỳ thứ 1, trừ cò 1.000.000 đồng, khui 680.000 đồng, hụi bị ngừng tháng 4 năm 2023. Trong dây hụi này chị M còn nợ hụi chết 11 kỳ tương ứng số tiền 22.000.000 đồng, do chị M phải chấp hành Bản án Hình sự nên bà đã choàng thay 11 kỳ hụi chết.

Sau khi chị M chấp hành án xong, thì chị M mượn 01 dây hụi 5 triệu khui ngày 10-6-2022, thỏa thuận khi hụi mãn phải trả là 120.000.000 đồng của bà. Cam kết trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian 24 tháng. Tuy nhiên chị M không thực hiện, nên bà khởi kiện đến Tòa án ngày 22-8-8-2022. Tại tòa án, chị M đồng ý trả cho bà, nên bà rút đơn khởi kiện về và viết cam kết đồng ý cho bà R, nhưng không thực hiện nên bà khởi kiện yêu cầu chị M phải trả cho bà số tiền 120.000.000 đồng tiền gốc, không tính lãi suất.

Tại phiên hòa giải, Bà R yêu cầu chị M phải trả số tiền 120.000.000 đồng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết 120.000.000 đồng, không đồng ý cho chị M trả góp mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà R yêu cầu chị M phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi còn nợ 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, yêu cầu trả 01 lần, không đồng ý cho chị M trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày 10-8-2024.

**** Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày***:

Chị xác nhận có chơi hụi do bà Huỳnh Ngọc R làm chủ đã nêu trên và còn nợ tiền hụi chết. Do chị đi chấp hành án nên về có chơi lại hụi bà R dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 10-6-2022, đã hốt hụi và trả dần cho bà R số tiền 120.000.000 đồng, trả mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng chị chưa có điều kiện trả cho bà R. Nay bà R khởi kiện, chị thừa nhận còn nợ bà R số tiền 120.000.000 đồng, do chị có hoàn cảnh khó khăn, xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu) kể từ ngày 10-8-2024.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án:***

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý giải quyết là đúng quy định; xác định đúng tư cách tố tụng; đảm bảo thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định; đảm bảo nguyên tắc xét xử độc lập, công khai và bình đẳng. Các đương sự thực hiện đúng quy định pháp luật, chấp hành nội quy phiên tòa, tôn trọng Hội đồng xét xử.

Về nội dung: Căn cứ Điều 471 của Bộ Luật Dân sự 2015; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 của UBNTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc R đối với chị Nguyễn Thị Tuyết M về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi". Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M phải trả số tiền nợ hụi 120.000.000 đồng cho bà Huỳnh Ngọc R.

Án phí: chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về nội dung: Xét yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn:

Theo chứng cứ bà R đã cung cấp là danh sách hụi viên của phần hụi 5.000.000 đồng khui ngày 10-6-2022, mãn ngày 10-6-2024, tại số thứ tự 21, có nội dung "Nguyễn Thị Tuyết M có mượn đầu hụi 5 triệu M số", tại số thứ tự số 22 có nội dung "tiền 120000000" và theo giấy nhận nợ có chữ viết, chữ ký của chị M với nội dung "Nguyễn Thị Tuyết M có mượn R 120.000.000 trả tháng 5.000.000 triệu 24 tháng". Ngoài ra tại Biên bản hòa giải ngày 20-6-2024, chị M thừa nhận còn nợ bà R số tiền 120.000.000 đồng tiền hụi vốn, không trả theo nội dung đã cam kết. Do chị M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà R khởi kiện là có căn cứ.

[2] Xét ý kiến trình bày của chị M đồng ý trả số tiền 120.000.000 đồng nợ hụi gốc bằng hình thức trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày 10-8-2024 nhưng không được bà R đồng ý và đề nghị trả 01 lần. Hội đồng xét xử thấy rằng theo giấy nhận nợ chị M đã thừa nhận phải trả tiền bà R mỗi tháng 5.000.000 đồng trên tổng số tiền nợ 120.000.000 đồng là sự tự nguyện của các đương sự, nhưng chị M không thực hiện đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà R, nên bà R không đồng ý là phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, đồng thời việc thanh toán nợ được thực hiện tại cơ quan thi hành án, do đó cần buộc chị M phải trả cho bà R số tiền 120.000.000 đồng.

[3] Xét về yêu cầu tính lãi: Bà R không yêu cầu trả lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc R. Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M phải trả cho bà R số tiền gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Ghi nhận không yêu cầu trả lãi suất.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí: chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 6.000.000 đồng.

Bà Huỳnh Ngọc R thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí và án phí khi khởi kiện, nên không phải chịu án phí và không được hoàn trả tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về nội dung: Căn cứ Điều 471 của Bộ Luật Dân sự 2015; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường và Điều

26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 của UBNTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" của bà Huỳnh Ngọc R đối với chị Nguyễn Thị Tuyết M.

Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M phải trả cho bà R số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Ghi nhận bà R không yêu cầu tính lãi suất;

Kể từ ngày Bà Huỳnh Ngọc R có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí: chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Bà Huỳnh Ngọc R thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí và án phí khi khởi kiện, nên không phải chịu án phí và không được hoàn trả tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh
-VKSND huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;
-CCTHADS huyện Gò Dầu;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Trang